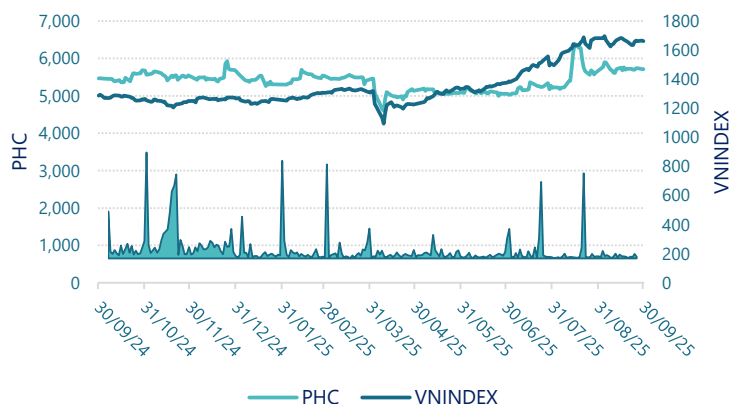


CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,710
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	253,120
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	289
P/E	25.8
EPS	221

DT thuần

Q3/25

336

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 2.7%

YoY: ▼ 45.0 | -11.9%

LN sau thuế

Q3/25

7.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.13 | 547%

YoY: ▲ 5.15 | 245%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.9%

+/- YoY: ▲ 3.3%

DT thuần

9T 2025

886

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 123 | -12.1%

LN sau thuế

9T 2025

9.63

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.84 | 154%

ROE

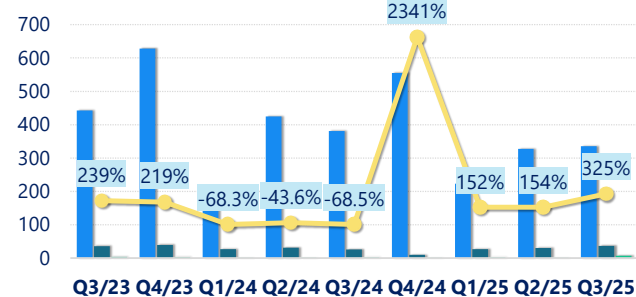
Q3/25

1.7%

+/- YoY: ▲ 0.6%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

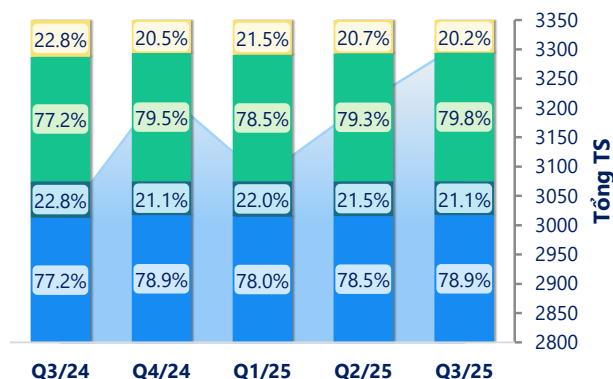


■ Doanh thu thuần
 ■ Lợi nhuận gộp
 ■ Lợi nhuận sau thuế
 ● Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

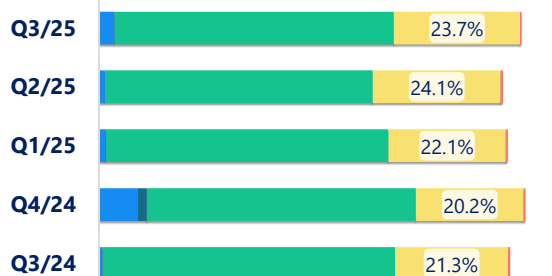
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản
 ■ Tài sản ngắn hạn
 ■ Tài sản dài hạn
 ■ Nợ phải trả
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

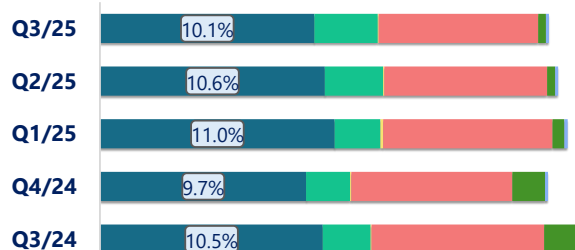
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



■ Tiền và TĐ tiền
 ■ Đầu tư TC ngắn hạn
 ■ Phải thu ngắn hạn
 ■ Hàng tồn kho
 ■ TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

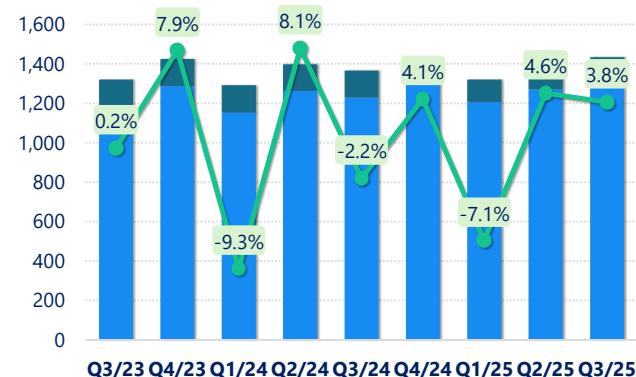


■ Phải thu dài hạn
 ■ Tài sản cố định
 ■ Bất động sản đầu tư
 ■ Tài sản dở dang
 ■ Đầu tư tài chính dài hạn
 ■ Tài sản dài hạn khác
 ■ Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

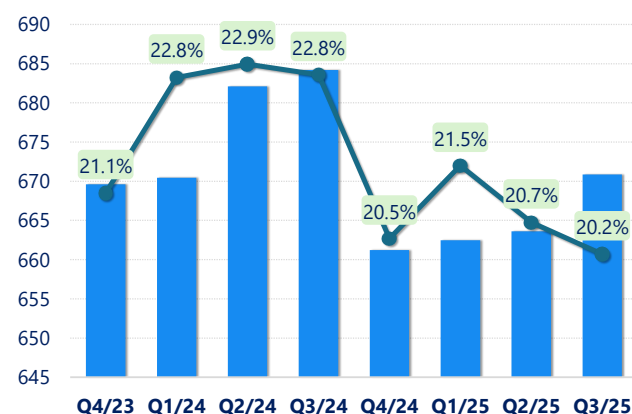


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn
 ● Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

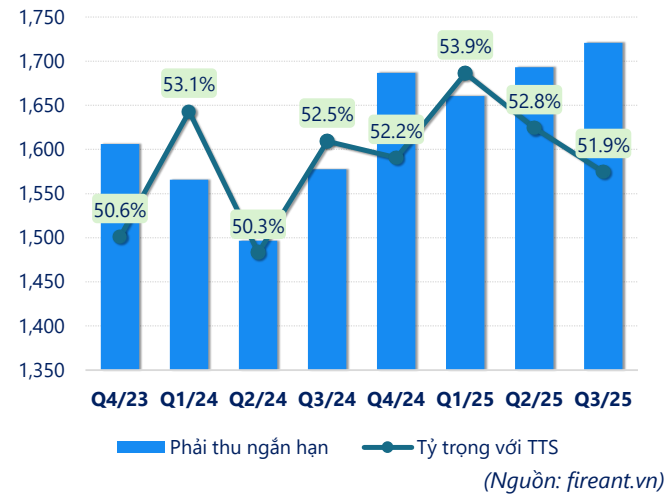
Vốn chủ sở hữu



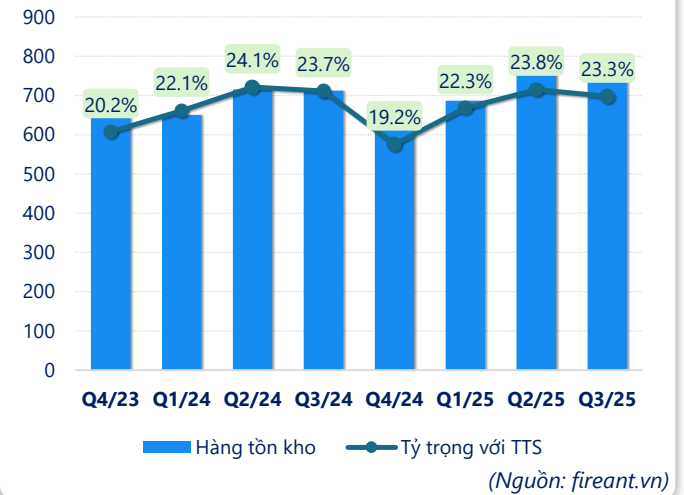
■ Vốn chủ sở hữu
 ● Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

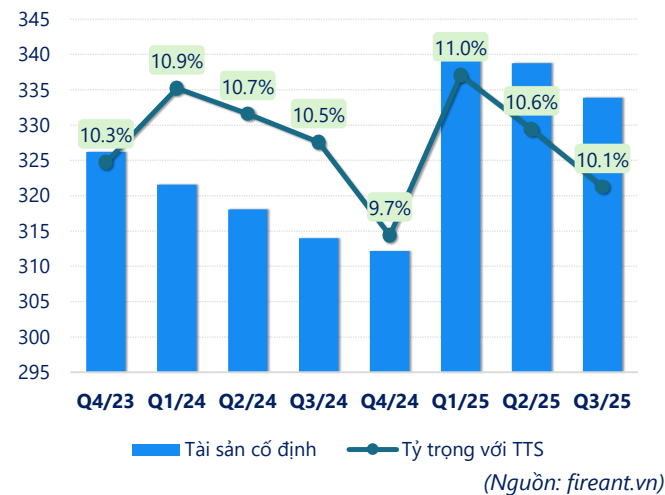
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


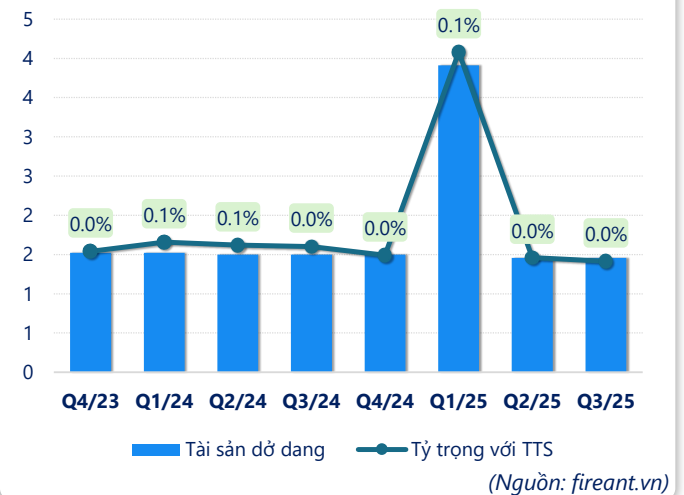
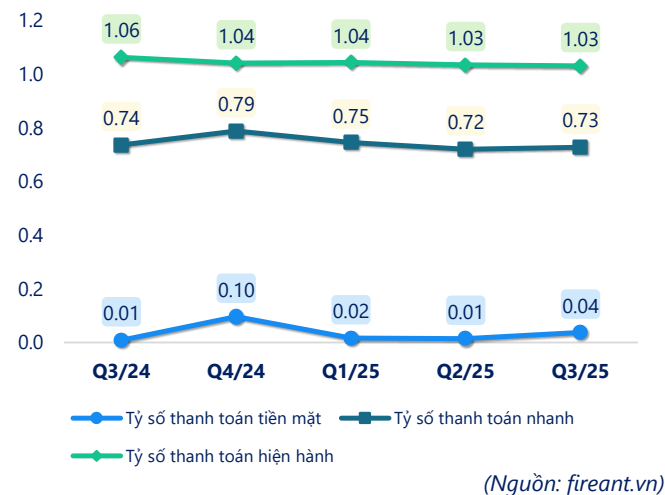
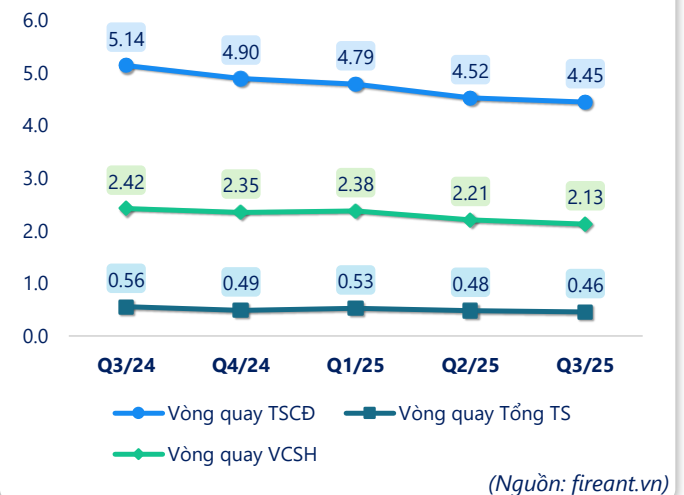
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,003	3,231	3,082	3,206	3,314
Tài sản ngắn hạn	2,319	2,550	2,404	2,516	2,614
Tiền và tương đương tiền	18.9	236	37.8	34.5	94.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.98	2.00	10.2	10.9	15.9
Phải thu ngắn hạn	1,577	1,687	1,660	1,693	1,721
Hàng tồn kho	712	620	687	765	771
Tài sản ngắn hạn khác	8.47	5.04	9.05	12.8	12.1
Tài sản dài hạn	684	681	677	691	699
Phải thu dài hạn	0.56	0.85	0.29	0.29	0.29
Tài sản cố định	314	312	340	339	334
Bất động sản đầu tư	67.6	67.0	66.5	88.1	98.7
Tài sản dở dang	1.50	1.50	3.91	1.46	1.46
Đầu tư tài chính dài hạn	244	245	245	245	248
Tài sản dài hạn khác	56.5	49.4	17.1	12.1	12.4
Lợi thế thương mại	0	4.76	4.64	4.52	4.40
Nợ phải trả	2,318	2,569	2,419	2,543	2,643
Nợ ngắn hạn	2,182	2,449	2,304	2,432	2,536
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,231	1,303	1,206	1,271	1,328
Phải trả người bán ngắn hạn	576	750	641	652	604
Nợ dài hạn	136	120	115	111	107
Vay và nợ thuê dài hạn	136	120	115	110	106
Nguồn vốn chủ sở hữu	684	661	662	664	671
Vốn chủ sở hữu	684	661	662	664	671
Vốn điều lệ	507	507	507	507	507
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)